

Số: /TTr-BCA-C12

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 2

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực,
truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Văn bản số 43/VPCP-KSTTHC ngày 26/01/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu; trong đó, giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ ban hành trong Quý II năm 2026, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Đảng và Nhà nước đã xác định chủ trương thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, nâng cao năng suất - chất lượng và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; đồng thời tăng cường quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Các định hướng này được cụ thể hóa thông qua nhiều chương trình, đề án, gồm:

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ nhằm phát triển công nghiệp: "...đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới".

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định "Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất". Ngoài ra, chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bao gồm thực hiện định danh, công

nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Các quy định này đặt nền tảng cho hệ sinh thái quản lý hàng hóa minh bạch, chống hàng giả bằng hệ thống công nghệ tiên tiến, phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu; đồng thời nhấn mạnh việc đầu tư, phát triển, áp dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược vào quá trình quản trị quốc gia.

Việc xây dựng khuôn khổ pháp lý thống nhất về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là cần thiết nhằm cụ thể hóa các chủ trương này trong bối cảnh thương mại điện tử, kinh tế số phát triển nhanh và yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Ngày 21/11/2007, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XII thông qua Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Ngày 18/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Tại Khoản 1 Điều 6d và Điều 6đ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025 đã bổ sung quy định về truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng; đồng thời giao Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể:

Khoản 1 Điều 6d quy định: *“Việc truy xuất nguồn gốc và minh bạch chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa phải được thực hiện trên nguyên tắc trung thực, khách quan, bảo đảm tính xác thực và khả năng xác minh, không gây cản trở lưu thông hàng hóa và thống nhất với quy định của pháp luật về hải quan, thương mại, thuế, phòng vệ thương mại và quy định khác của luật có liên quan; hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh nguồn gốc, quy trình sản xuất, thành phần và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật”*.

Điều 6đ quy định: *“1. Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để bảo đảm minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc, kết nối*

và chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, hàng hóa, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế.

2. Khuyến khích ứng dụng công nghệ trong các hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra, giám sát chất lượng và quản lý thông tin sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

a) Quản lý chuỗi cung ứng thông qua mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử và nền tảng số;

b) Thu thập, lưu trữ, phân tích dữ liệu phục vụ kiểm tra, kiểm tra sau lưu thông trên thị trường, thanh tra, cảnh báo và xử lý vi phạm;

c) Áp dụng hệ chiếu số của sản phẩm, nhãn điện tử và thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

d) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số tiên tiến trong các hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra, giám sát chất lượng và quản lý thông tin sản phẩm, hàng hóa.

3. Nhà nước có chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng dữ liệu và phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động ứng dụng công nghệ quy định tại Điều này.

4. Việc ứng dụng công nghệ số, nhãn điện tử, mã số, mã vạch và hệ thống truy xuất nguồn gốc phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong toàn bộ quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu; phải tuân thủ nguyên tắc về bảo mật thông tin, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

- Để hướng dẫn Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2025, ngày 23/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; trong đó khoản 6 Điều 25 quy định về quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá giao: “Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc xây dựng, vận hành, duy trì và nâng cấp nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá”.

Mặc dù Nghị định số 37/2026/NĐ-CP đã quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tại các Điều 22, 23, 25, 26, 27, tuy nhiên hiện chưa có quy định pháp luật hướng dẫn về việc định danh, xác thực thống nhất qua nền tảng quốc gia làm cơ sở cho truy xuất sản phẩm, hàng hoá. Thực tiễn triển khai cũng chứng minh việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo các quy định hiện hành còn gặp nhiều hạn chế, chưa có các quy định đảm bảo tính toàn vẹn, bất biến và khả năng xác minh độc lập của dữ liệu; thiếu liên kết, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống quản lý của các bộ, ngành, địa phương dẫn đến khó khăn

trong công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát chất lượng, xuất xứ hàng hoá, chưa phát huy hiệu quả trong đấu tranh chống hàng giả, hàng lậu, gian lận thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

- Ngày 30/11/2024, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Dữ liệu, trong đó Điều 33 quy định Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Bộ Công an có điều kiện và khả năng trong việc bảo đảm kết nối, chia sẻ, cập nhật, đồng bộ dữ liệu từ các bộ, ngành, địa phương về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định tại Điều 34 Luật Dữ liệu; bảo đảm an toàn, bảo mật và toàn vẹn thông tin, góp phần thiết lập hệ sinh thái dữ liệu thống nhất phục vụ quản lý nhà nước. Việc Bộ Công an chủ trì xây dựng và triển khai nền tảng quốc gia về định danh, truy xuất nguồn gốc và xác thực sản phẩm, hàng hoá sẽ bảo đảm sự liên thông giữa các hệ thống dữ liệu hiện có, tạo nền tảng kỹ thuật vững chắc để áp dụng các công nghệ số tiên tiến, nâng cao hiệu quả quản lý và minh bạch hóa chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa một cách thuận lợi và đồng bộ trên toàn quốc.

- Ngày 20/6/2023, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong đó khoản 7 Điều 7 về chính sách của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định “7. *Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, bao gồm các hoạt động sau đây: b) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để sản xuất, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ an toàn, bảo đảm chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ*”.

- Ngày 22/06/2023, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Giao dịch điện tử, tạo nền tảng pháp lý cho việc số hóa quy trình quản lý, cho phép sử dụng chứng thư điện tử, chữ ký số và định danh điện tử trong các giao dịch, qua đó hỗ trợ hoạt động định danh và xác thực hàng hóa trên môi trường điện tử.

Trên cơ sở nghiên cứu phục vụ xây dựng Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Bộ Công an nhận thấy hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc liên quan trực tiếp đến chuẩn dữ liệu dùng chung, cơ chế kết nối, chia sẻ liên ngành, phân công trách nhiệm giữa cơ quan nhà nước và chủ thể tham gia chuỗi cung ứng, đồng thời liên quan đến an ninh, an toàn dữ liệu và giá trị pháp lý của dữ liệu truy xuất khi phục vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm. Do đó, cần một văn bản ở cấp Nghị định quy định hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa để: (i) Thiết lập khung pháp lý thống nhất áp dụng toàn quốc, bảo đảm đồng bộ triển khai; (ii) Quy định rõ nguyên tắc, chuẩn kết nối, cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu, trách nhiệm phối hợp, tránh manh mún; (iii) Tạo nền tảng pháp lý đủ mạnh để triển khai theo chỉ đạo rút gọn, bảo đảm tiến độ và khả năng thực thi trên thực tế.

1.3. Về kinh nghiệm quốc tế

Thứ nhất, truy xuất nguồn gốc trở thành yêu cầu bắt buộc trong thương mại quốc tế, cụ thể:

(i) Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) quy định cam kết về minh bạch xuất xứ như sau: EVFTA yêu cầu các bên phải đảm bảo tính minh bạch trong việc chứng nhận xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan.

(ii) Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) quy định về truy xuất nguồn gốc như sau: CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả để đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch trong chuỗi cung ứng.

Điều này cho thấy truy xuất nguồn gốc không chỉ là công cụ kỹ thuật mà đã trở thành rào cản kỹ thuật bắt buộc nếu muốn tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu Việt Nam không có khung pháp lý tương thích, hàng hóa Việt Nam sẽ gặp khó khi xuất khẩu và đánh mất lợi thế cạnh tranh.

Thứ hai, nhiều quốc gia xây dựng hệ thống truy xuất trên nền tảng dữ liệu tập trung, thống nhất, như:

(i) Trung Quốc triển khai mô hình nền tảng truy xuất nguồn gốc thống nhất thông qua Tổng cục Quản lý Giám sát Thị trường Trung. Cơ quan này vận hành Nền tảng quốc gia về truy xuất nguồn gốc, tích hợp dữ liệu về thực phẩm, nông sản, dược phẩm, thiết bị y tế, hàng tiêu dùng và hàng hóa xuất nhập khẩu. Hệ thống sử dụng mã định danh sản phẩm dựa trên tiêu chuẩn GS1 China và các tiêu chuẩn GB/T, gắn lên sản phẩm thông qua mã QR, mã vạch hoặc chip EPC/RFID để bảo đảm tính nhất quán trên toàn chuỗi.

(ii) Liên minh Châu Âu (EU) áp dụng mô hình điều phối tập trung do Ủy ban Châu Âu quản lý, trong đó dữ liệu truy xuất được hội tụ về các hệ thống chung như: TRACES cho thực phẩm, động vật; ICSMS cho an toàn sản phẩm công nghiệp; EUDAMED cho thiết bị y tế. EU ban hành khung tiêu chuẩn TRACE4EU cho hệ thống định danh, truy xuất, bảo đảm dữ liệu được liên thông giữa các quốc gia thành viên trên một chuẩn chung.

(iii) Singapore vận hành Hệ thống truy xuất quốc gia (NFTS) do Cơ quan An toàn Thực phẩm Singapore (Singapore Food Agency - SFA) quản lý. NFTS tích hợp dữ liệu toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm từ sản xuất, nhập khẩu, phân phối đến bán lẻ, yêu cầu doanh nghiệp sử dụng mã QR thống nhất làm vật mang dữ liệu để khai báo và truy xuất nguồn gốc, tạo thành một nền tảng tập trung, dễ kiểm soát.

Có thể thấy, xu hướng chung là: (i) Mã hoá, định danh thống nhất đối với sản phẩm, lô hàng, cơ sở sản xuất, kinh doanh dựa trên tiêu chuẩn chung toàn cầu, đảm bảo tính liên thông quốc tế; (ii) Tích hợp với cơ sở dữ liệu đa ngành để xác thực và có thông tin truy xuất nguồn gốc về từng sản phẩm/lô hàng; (iii)

Cho phép cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, thuế, hải quan... cùng khai thác trên một nền tảng dữ liệu chung.

2. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, hiện nay, quy định về truy xuất nguồn gốc, định danh, xác thực hàng hóa đang được điều chỉnh phân tán ở nhiều văn bản (Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN, các tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019, 13274:2020...), nhưng chưa có văn bản cấp Nghị định quy định thống nhất, đồng bộ; chưa làm rõ trách nhiệm của các chủ thể (nhà sản xuất, cơ quan quản lý, tổ chức chứng nhận, người tiêu dùng); thiếu quy định về chuẩn công nghệ, chuẩn dữ liệu và xác thực thông tin điện tử trong quá trình truy xuất.

Thứ hai, trên thị trường xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm giả mạo xuất xứ, tem truy xuất giả, mã QR trùng lặp hoặc không liên kết dữ liệu thực; tuy nhiên lại thiếu cơ chế xác thực và đối chiếu danh tính điện tử của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung ứng dẫn đến mất niềm tin của người tiêu dùng và đối tác quốc tế. Thực tiễn quản lý thị trường hàng hóa cho thấy tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng nhái và hàng không rõ nguồn gốc vẫn diễn biến rất phức tạp. Mỗi năm, lực lượng chức năng phát hiện xử lý hàng chục nghìn vụ vi phạm. Trong năm 2024, lực lượng Quản lý thị trường đã thanh tra, kiểm tra 68.280 vụ (giảm 5% so với cùng kỳ năm 2023), phát hiện, xử lý 47.135 vụ vi phạm (giảm 10% so với cùng kỳ năm 2023); chuyển cơ quan điều tra 178 vụ có dấu hiệu tội phạm (tăng 2%). Thu nộp ngân sách trên 541 tỷ đồng (tăng 8%). Trị giá hàng hóa vi phạm 425 tỷ đồng (tăng 23% so với năm 2023), trong đó, trị giá hàng hóa tịch thu 220 tỷ đồng; trị giá hàng hóa buộc tiêu hủy 205 tỷ đồng. Trong báo cáo 5 tháng đầu năm 2025 được Ban Chỉ đạo 389 quốc gia công bố, cả nước có hơn 34.000 vụ vi phạm liên quan đến buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả bị lực lượng chức năng phát hiện, xử lý. Trong đó, có hơn 8.200 vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu; hơn 25.100 vụ gian lận thương mại. Đáng báo động, có tới 1.100 vụ liên quan đến hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thuốc y tế, thực phẩm chức năng, sữa...

Hàng giả, hàng kém chất lượng xuất hiện trên nhiều lĩnh vực (dược phẩm, thực phẩm, tiêu dùng...) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, làm mất niềm tin của người tiêu dùng và uy tín thương hiệu Việt Nam. Mặc dù các lực lượng chức năng đã tăng cường kiểm tra, xử lý, nhưng thủ đoạn vi phạm ngày càng tinh vi - các đối tượng sử dụng thương mại điện tử, mạng xã hội để phân phối hàng giả, ẩn giấu kho bãi, gây khó khăn cho việc kiểm soát.

Thứ ba, chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng về định danh và xác thực điện tử trong truy xuất nguồn gốc. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện mới dừng ở cấp cơ sở hoặc ngành, chưa được tích hợp với Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia (theo Nghị định 69/2024/NĐ-CP); thiếu quy định liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành gây khó khăn cho công tác kiểm tra, chứng nhận và quản lý

rủi ro. Công tác quản lý truy xuất nguồn gốc hiện nay còn manh mún, phân tán ở nhiều bộ, ngành. Chưa có một nền tảng tập trung, thống nhất trên toàn quốc về định danh, xác thực và truy xuất hàng hóa. Hiện mỗi đơn vị đang phát triển hệ thống riêng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia (truyxuatnguonhoc.gov.vn) từ ngày 01/10/2024; Bộ Khoa học và Công nghệ cũng quản lý Hệ thống mã số mã vạch quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có nền tảng truy xuất nông sản thực phẩm riêng; Bộ Công Thương ứng dụng hệ thống eCOSys để quản lý xuất xứ và vi phạm trong thương mại; Tổng cục Hải quan có hệ thống VNACCS/VCIS theo dõi xuất nhập khẩu; Bộ Y tế phát triển cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm... Hoạt động quản lý, giám sát hàng hoá trong suốt vòng đời từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng hiện nay còn thiếu công cụ công nghệ thống nhất để định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc, ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến để quá trình định danh, truy xuất nguồn gốc và xác thực sản phẩm, hàng hoá diễn ra nhanh chóng, minh bạch.

Thứ tư, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định như CPTPP, EVFTA, RCEP, WTO TBT Agreement, trong đó có yêu cầu về minh bạch thông tin sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, và chống gian lận xuất xứ. Các thị trường xuất khẩu lớn (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản) đã áp dụng cơ chế Digital Product Passport (DPP) và yêu cầu định danh số cho sản phẩm. Nếu Việt Nam không có khung pháp lý tương thích, hàng hóa Việt Nam sẽ gặp khó khi xuất khẩu và đánh mất lợi thế cạnh tranh.

Thứ năm, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn từ chuyển đổi số và phát triển kinh tế số đòi hỏi khung pháp lý để chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, kết nối hạ tầng số quốc gia, đảm bảo tính toàn vẹn, bảo mật và khả năng chia sẻ thông tin trong hệ sinh thái thương mại điện tử.

Công nghệ chuỗi khối giúp bảo toàn tính minh bạch, bất biến, toàn vẹn và có khả năng xác minh độc lập của dữ liệu. Công nghệ này cũng bảo đảm khả năng tương thích và liên thông với các hệ thống định danh và truy xuất xác thực trên thế giới, như Hạ tầng Dịch vụ Chuỗi khối Châu Âu - EBSI, Mạng dịch vụ chuỗi khối Trung Quốc - BSN. Các sản phẩm được xác thực qua nền tảng này sẽ được công nhận về tính minh bạch và hợp pháp, tạo thuận lợi lớn khi xuất khẩu ra các thị trường quốc tế.

Từ các lý do trên, việc đề xuất xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là có cơ sở chính trị, pháp lý và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng, tăng cường minh bạch thị trường, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, đồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu. Nghị định này nhằm cụ thể hóa một số biện pháp quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ

theo điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung dự thảo không vượt quá thẩm quyền của Chính phủ, không giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền lập pháp của Quốc hội hoặc ban hành pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Quy định thống nhất về nguyên tắc, phạm vi, đối tượng và yêu cầu tối thiểu đối với hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

- Thiết lập cơ chế quản lý mã định danh và dữ liệu định danh, bảo đảm mỗi sản phẩm, lô sản phẩm được gắn với thông tin nguồn gốc, quá trình hình thành và lưu thông phù hợp với từng ngành hàng.

- Quy định về phương thức xác thực (xác thực nguồn gốc, xác thực chủ thể, xác thực chống giả) và cơ chế công nhận, kiểm tra, giám sát để nâng cao độ tin cậy của thông tin.

- Quy định bộ dữ liệu truy xuất nguồn gốc tối thiểu, chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông; hình thành cơ sở dữ liệu, nền tảng truy xuất nguồn gốc quốc gia, đồng bộ với chương trình chuyển đổi số.

- Xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, phân phối; trách nhiệm của sàn thương mại điện tử, đơn vị logistics, tổ chức cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc.

- Bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người tiêu dùng; góp phần phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; thủ tục rõ ràng, giảm chi phí tuân thủ; thúc đẩy xã hội hoá, khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ.

- Bảo đảm nguyên tắc chuẩn hoá, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tránh tình trạng cát cứ dữ liệu và nền tảng.

- Kết hợp quản lý theo rủi ro với hậu kiểm; tăng cường ứng dụng công nghệ để giám sát, kiểm tra, cảnh báo sớm.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ vòng đời dữ liệu truy xuất nguồn gốc.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Thành lập Tổ Soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định.
2. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định và tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức và Nhân dân theo quy định.
3. Tổ chức hội thảo với một số đơn vị cấp Cục thuộc các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến tham gia đối với nội dung dự thảo Nghị định.
4. Ngày 26/01/2026, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 43/VPCP-KSTTHC thông báo Kết luận Phiên họp lần thứ nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu; trong đó, giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo trình tự, thủ tục rút gọn. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo không thực hiện việc đánh giá tác động thủ tục hành chính. Đồng thời, qua rà soát, dự thảo Nghị định không có quy định nào liên quan đến bình đẳng giới, không tạo ra sự phân biệt về giới và không tác động đến chính sách.
5. Bộ Công an đã tổng hợp, phân tích các ý kiến đóng góp để tiếp thu chỉnh lý dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ và gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định (*có bảng tổng hợp ý kiến tham gia kèm theo*).
6. Ngày/...../2026, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số/BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã chỉnh lý dự thảo Nghị định. Đến nay, dự thảo Nghị định đã hoàn chỉnh, đủ điều kiện để trình Chính phủ xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; nguyên tắc tổ chức, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá;

quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Sản phẩm, hàng hóa được sản xuất ở nước ngoài và không tiêu thụ, kinh doanh tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với: (i) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; quản lý, vận hành, khai thác nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và cơ sở dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa; (ii) Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, gia công; kinh doanh, phân phối; xuất khẩu, nhập khẩu; vận chuyển, lưu kho; bán buôn, bán lẻ sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định; (iii) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hóa; (iv) Tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng thông tin trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa; (v) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 08 Chương với 40 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I - Quy định chung, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4).
- Chương II - Hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, gồm 06 điều (từ Điều 5 đến Điều 10).
- Chương III - Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, gồm 08 điều (từ Điều 11 đến Điều 18).
- Chương IV - Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, gồm 03 điều (từ Điều 19 đến Điều 21).
- Chương V - Thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hóa, gồm 05 điều (từ Điều 22 đến Điều 26).
- Chương VI - Khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, gồm 05 điều (từ Điều 27 đến Điều 31).
- Chương VII - Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, gồm 05 điều (từ Điều 32 đến Điều 36).

- Chương VIII - Điều khoản thi hành, gồm 4 điều (từ Điều 37 đến Điều 40).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Chương I - Quy định chung

Chương này quy định những vấn đề chung nhất làm cơ sở cho toàn bộ Nghị định, bao gồm:

- Phạm vi điều chỉnh: quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; nguyên tắc tổ chức, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác Nền tảng quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Sản phẩm, hàng hoá được sản xuất ở nước ngoài và không tiêu thụ, kinh doanh tại Việt Nam không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với: (i) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quản lý nhà nước về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; quản lý, vận hành, khai thác nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và cơ sở dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá; (ii) Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, gia công; kinh doanh, phân phối; xuất khẩu, nhập khẩu; vận chuyển, lưu kho; bán buôn, bán lẻ sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định; (iii) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hoá; (iv) Tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng thông tin trên nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; (v) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

- Giải thích từ ngữ: làm rõ các khái niệm trọng tâm như mã định danh sản phẩm, hàng hoá (UID); mã định danh phi tập trung (DID); Nền tảng chuỗi khối quốc gia; Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; chứng chỉ số; bằng chứng số; bên phát hành chứng chỉ số; bên tạo lập và cung cấp bằng chứng số; bên sử dụng bằng chứng số; khóa bí mật; khóa công khai.

- Nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng, khai thác Nền tảng quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá: quy định việc xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương; bảo đảm phục vụ quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội; dữ liệu được làm sạch, có nguồn xác thực hợp pháp, cập nhật thường xuyên, lưu vết đầy đủ; bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân; không thu thập lại dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu đã kết nối, chia sẻ; dữ liệu khi cần xác nhận, xác

thực phải được ghi nhận bằng chứng chỉ số, bằng chứng số thông qua Nền tảng quốc gia.

3.2. Chương II - Hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về: mã định danh sản phẩm, hàng hóa; tạo lập mã định danh phi tập trung và khóa bí mật, khóa công khai; khởi tạo, chia sẻ và xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số; định danh sản phẩm, hàng hóa; xác thực sản phẩm, hàng hóa; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên Nền tảng quốc gia.

Điều 5 quy định về mã định danh sản phẩm, hàng hóa (UID), xác định mã UID được tạo lập tự động trên Nền tảng quốc gia và tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn, cấu trúc theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định.

Điều 6 quy định về tạo lập mã định danh phi tập trung (DID) và cấp khóa bí mật, khóa công khai cho tổ chức, cá nhân tham gia Nền tảng chuỗi khối quốc gia; gắn DID với danh tính điện tử của chủ thể; xác lập trách nhiệm quản lý, sử dụng khóa và tuân thủ pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 7 quy định về khởi tạo, chia sẻ và xác minh chứng chỉ số, bằng chứng số; yêu cầu chứng chỉ số, bằng chứng số có khả năng kiểm chứng độc lập, có giá trị pháp lý; quy định trách nhiệm của bên phát hành, bên tạo lập và cung cấp, bên sử dụng bằng chứng số; giao Trung tâm Dữ liệu quốc gia cung cấp công cụ xác minh và cơ chế tra cứu.

Điều 8 quy định về định danh sản phẩm, hàng hoá, xác lập việc tạo lập và gắn mã UID duy nhất cho từng sản phẩm, hàng hóa nhằm phục vụ nhận diện, xác thực và truy xuất trong toàn bộ vòng đời sản phẩm; giao Trung tâm Dữ liệu quốc gia tạo lập mã UID.

Điều 9 quy định về xác thực sản phẩm, hàng hoá, xác định nội dung xác thực bao gồm xác thực các công đoạn truy xuất nguồn gốc và xác thực dữ liệu truy xuất khác gắn với sản phẩm, hàng hóa; quy định chủ thể được cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đối với sản phẩm, hàng hoá.

Điều 10 quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên Nền tảng quốc gia thông qua mã UID; yêu cầu việc truy xuất phải được ghi nhận bằng chứng chỉ số tại các công đoạn tối thiểu; dữ liệu truy xuất phải bao gồm thông tin tối thiểu theo quy định pháp luật; việc cấp các giấy chứng nhận, giấy tờ chuyên ngành gắn với sản phẩm phải đồng thời được khởi tạo dưới dạng chứng chỉ số và đồng bộ với Nền tảng quốc gia.

3.3. Chương III - Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về: Nền tảng chuỗi khối quốc gia; Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; cơ chế kết nối, liên thông; Ứng dụng quốc gia; Cổng thông tin quốc gia; quản trị, vận hành nền tảng; bảo đảm nguồn lực; Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Điều 11 quy định về Nền tảng chuỗi khối quốc gia là nền tảng số dùng chung do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, minh bạch, xác thực và khả năng truy vết độc lập của dữ liệu; xác lập vai trò nền tảng kỹ thuật dùng chung cho các hệ thống có yêu cầu xác thực dữ liệu.

Điều 12 quy định về Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được xây dựng, vận hành trên Nền tảng chuỗi khối quốc gia; phục vụ tạo lập mã UID, ghi nhận và lưu trữ chứng chỉ số, xác thực sản phẩm, hỗ trợ quản lý nhà nước, phòng chống tội phạm liên quan đến hàng hóa và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 13 quy định cơ chế kết nối, liên thông của Nền tảng quốc gia, làm rõ trách nhiệm của Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân trong việc kết nối, cập nhật, xác thực, truy xuất và khai thác thông tin sản phẩm, hàng hoá.

Điều 14 quy định về Ứng dụng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá với các chức năng chính như tra cứu, xác thực thông tin nguồn gốc, chất lượng, lịch sử lưu thông; hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật sự kiện chuỗi cung ứng; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị vi phạm.

Điều 15 quy định về Cổng thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá do Bộ Công an quản lý, vận hành; thực hiện chức năng của Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia theo quy định tại Nghị định 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các chức năng công bố, cập nhật thông tin, hướng dẫn triển khai, tổng hợp, thống kê, báo cáo; địa chỉ truy cập.

Điều 16 quy định về quản trị, vận hành Nền tảng chuỗi khối quốc gia và Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo nguyên tắc tập trung, thống nhất; được thiết kế, xây dựng đảm bảo an ninh, an toàn để định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phục vụ quốc phòng, an ninh, lưỡng dụng; bao gồm xây dựng quy trình nghiệp vụ, giải pháp an ninh mạng, đồng bộ, sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu, tổ chức bộ máy chuyên trách và bảo đảm kinh phí vận hành.

Điều 17 quy định về bảo đảm nguồn lực xây dựng, phát triển và vận hành Nền tảng quốc gia từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp; quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong bố trí nguồn lực và khuyến

khích tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ, giải pháp kỹ thuật theo cơ chế thị trường và hợp tác công tư.

Điều 18 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá, xác định đây là tập hợp dữ liệu chủ và dữ liệu phát sinh trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, phục vụ nhận diện, xác thực, truy vết, quản lý nhà nước, chống gian lận thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, kết nối liên ngành và chuyên đổi số; đồng thời quy định nguyên tắc tạo lập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu và danh mục các trường thông tin bắt buộc, bổ sung.

3.4. Chương IV - Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; hệ thống phần mềm; xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm.

Điều 19 quy định về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Nền tảng quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các nhóm thiết bị chủ yếu như thiết bị xử lý trung tâm, lưu trữ, sao lưu, mạng, bảo mật, mã hóa, giám sát, dự phòng và phần mềm quản trị hệ thống.

Điều 20 quy định về hệ thống phần mềm của Nền tảng quốc gia, yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác định các nhóm phần mềm chủ yếu như quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu; khai thác, cung cấp thông tin; phục vụ quản lý, điều hành; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; hỗ trợ vận hành, bảo trì.

Điều 21 quy định về xây dựng, vận hành hạ tầng kỹ thuật và hệ thống phần mềm; làm rõ các hoạt động thiết lập, nâng cấp, duy trì hạ tầng, xây dựng và nâng cấp phần mềm, đào tạo nhân lực; quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong bảo đảm hạ tầng kết nối và vai trò trực tiếp quản lý, vận hành của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia.

3.5. Chương V - Thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về việc thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; hình thức, tần suất chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu; xử lý, khai thác thông tin, dữ liệu; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, cập nhật và cung cấp thông tin, dữ liệu.

Điều 22 quy định các nguồn dữ liệu và nguyên tắc thu thập, tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu; xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ, logistics, sàn thương mại điện tử, tổ chức đánh giá sự phù hợp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23 quy định về chia sẻ, kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên Nền tảng quốc gia; phân định trách nhiệm cụ thể của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 24 quy định về hình thức và tần suất chia sẻ, kết nối, cung cấp dữ liệu; cho phép thực hiện qua API, nền tảng tích hợp, hệ thống ERP, POS, logistics, Ứng dụng quốc gia, biểu mẫu điện tử hoặc tệp dữ liệu chuẩn hóa; yêu cầu cập nhật dữ liệu theo thời gian thực hoặc chậm nhất trong vòng 24 giờ nếu chưa đáp ứng điều kiện kỹ thuật.

Điều 25 quy định về xử lý, khai thác thông tin, dữ liệu; yêu cầu rà soát, làm sạch, xác minh, xác thực dữ liệu, cấp dấu thời gian, lưu dấu vết truy cập; quy định cơ chế thu hồi và khai báo lại thông tin khi phát hiện sai sót; giao Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu vận hành, quản lý, nâng cấp Nền tảng quốc gia và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Điều 26 quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, cập nhật và cung cấp thông tin, dữ liệu; bao gồm chấp hành quy trình, bảo đảm tính chính xác, kịp thời, cập nhật khi có thay đổi, lưu trữ hồ sơ đối chiếu và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.6. Chương VI - Khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về: khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu; hình thức khai thác, sử dụng và chia sẻ; trình tự, thủ tục khai thác; chi phí khai thác; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khai thác và sử dụng dữ liệu.

Điều 27 quy định nguyên tắc khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu; làm rõ quyền khai thác của cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; đồng thời giới hạn việc khai thác đối với dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh.

Điều 28 quy định các hình thức khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu, bao gồm khai thác trực tiếp qua cổng thông tin/ứng dụng, qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, qua sàn dữ liệu hoặc qua văn bản đề nghị cung cấp dữ liệu.

Điều 29 quy định về trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu; xác lập cơ chế gửi phiếu đề nghị đến Trung tâm Dữ liệu quốc gia và thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.

Điều 30 quy định về chi phí khai thác thông tin, dữ liệu, theo đó việc khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; các đối tượng khác thực hiện theo cơ chế thu giá dịch vụ theo pháp luật về giá.

Điều 31 quy định trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu; yêu cầu tuân thủ nguyên tắc quản lý dữ liệu, không cung cấp dữ liệu cho bên thứ ba trái phép, thông báo sai sót dữ liệu, được khiếu nại, tố cáo và được bồi thường khi bị thiệt hại do dữ liệu không chính xác.

3.7. Chương VII - Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá

Chương này quy định về trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong quản lý nhà nước đối với hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Điều 32 quy định trách nhiệm của Bộ Công an trong xây dựng, quản lý, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc; bảo đảm an ninh mạng, phòng chống gian lận, giả mạo; tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo Chính phủ.

Điều 33 quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong phối hợp xây dựng, ban hành quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Điều 34 quy định trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Tài chính trong phối hợp bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động của Nền tảng quốc gia.

Điều 35 quy định trách nhiệm và quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ trong chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý sản phẩm, hàng hoá theo lĩnh vực; xây dựng, hoàn thiện, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, công truy xuất nguồn gốc thuộc phạm vi quản lý; quy định công đoạn tối thiểu phải khởi tạo chứng chỉ số; xác định danh mục sản phẩm, hàng hoá rủi ro cao phải thực hiện định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc và lộ trình thực hiện; tổ chức khởi tạo hoặc yêu cầu khởi tạo các chứng chỉ số đối với các giấy tờ, chứng nhận gắn với sản phẩm, hàng hoá.

Điều 36 quy định trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong chỉ đạo thu thập, cập nhật dữ liệu tại địa phương; xây dựng phương án khai thác, cập nhật, chia sẻ, sử dụng dữ liệu; xây dựng, hoàn thiện và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, công truy xuất nguồn gốc trên địa bàn và bảo đảm kết nối, liên thông với Nền tảng quốc gia.

3.8. Chương VIII - Điều khoản thi hành

Chương này quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá hiệu lực thi hành, quy định chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

Điều 37 quy định về việc bãi bỏ cụm từ “Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia” tại điểm c khoản 2 Điều 24, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 4 Điều 33, khoản 2 Điều 93, điểm a khoản 7 Điều 95.

Điều 38 quy định Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành, trừ quy định tại Điều 38 Nghị định này.

Điều 39 quy định chuyên tiếp, trong đó việc định danh, truy xuất nguồn gốc, xác thực đối với sản phẩm, hàng hoá có mức độ rủi ro cao được thực hiện theo danh mục và lộ trình do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; đồng thời yêu cầu các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện và đưa vào vận hành các hệ thống, công thông tin, nền tảng phục vụ truy xuất nguồn gốc trước ngày 01 tháng 4 năm 2027.

Điều 40 quy định trách nhiệm thi hành của Bộ Công an, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3.8. Về phân cấp, phân quyền trong dự thảo Nghị định

Khoản 3 Điều 3 quy định Nền tảng chuỗi khối quốc gia là nền tảng số dùng chung do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành.

Khoản 4 Điều 3 quy định Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá là hệ thống công nghệ thông tin do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành.

Khoản 5 Điều 3 quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá là cơ sở dữ liệu dùng chung do Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành.

Khoản 5 Điều 8 quy định Bộ Công an hướng dẫn việc tạo lập và cấp mã UID cho sản phẩm, hàng hóa.

Khoản 1 Điều 15 quy định Công thông tin quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá là hệ thống thông tin điện tử do Bộ Công an quản lý, vận hành.

Khoản 3 Điều 18 quy định Bộ Công an là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Khoản 7 Điều 18 quy định Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định cụ thể thông tin về sản phẩm, hàng hoá thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá.

Điểm b Khoản 3 Điều 24 quy định Bộ Công an tổ chức triển khai các kênh truy cập hợp pháp khác để tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu ngoài Ứng dụng quốc gia.

Khoản 4 Điều 4 quy định Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia được quản lý tập trung, thống nhất tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Khoản 1 Điều 6 quy định mỗi tổ chức, cá nhân tham gia Nền tảng chuỗi khối quốc gia được Trung tâm dữ liệu quốc gia tạo lập 01 mã DID duy nhất, cấp khóa bí mật, khóa công khai.

Khoản 5 Điều 6 quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng mã DID, khóa bí mật, khóa công khai.

Khoản 4 Điều 7 quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp công cụ xác minh và cơ chế tra cứu đối với chứng chỉ số, bằng chứng số.

Khoản 5 Điều 7 quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc khởi tạo, chia sẻ, sử dụng chứng chỉ số, bằng chứng số.

Khoản 3 Điều 8 quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện việc tạo lập mã UID để cấp mã định danh cho sản phẩm, hàng hóa thông qua Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Khoản 5 Điều 13 quy định Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương với Nền tảng quốc gia; tổ chức tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Khoản 1 Điều 29 quy định tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu gửi văn bản đề nghị cung cấp dữ liệu đến Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Khoản 2 Điều 29 quy định Trung tâm Dữ liệu quốc gia xem xét cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu; trường hợp từ chối phải trả lời và nêu rõ lý do.

Khoản 2 Điều 9 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia được cung cấp dịch vụ xác thực sản phẩm, hàng hóa thông qua Nền tảng quốc gia.

Khoản 3 Điều 12 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị trực tiếp quản trị, vận hành Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.

Khoản 1 Điều 13 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia sử dụng hạ tầng sẵn có của Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ tổ chức quản trị, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, thực hiện việc định danh, xác thực sản phẩm, hàng hóa thông qua cơ chế chứng chỉ số, bằng chứng số theo quy định của Nghị định này; điều phối, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu; được phép thuê chuyên gia, đơn vị, tổ chức có đủ điều kiện năng lực để hỗ trợ việc quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hóa.

Khoản 1 Điều 17 quy định nguồn lực xây dựng, phát triển, quản trị và vận hành Nền tảng quốc gia được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Khoản 3 Điều 18 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị quản lý, duy trì và vận hành hệ thống thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá; tổ chức bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh mạng, sao lưu, khôi phục, giám sát, ghi nhật ký và vận hành liên tục, ổn định.

Khoản 3 Điều 21 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia chủ quản dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá, thực hiện quản trị, khai thác, kết nối, cung ứng dữ liệu theo quy định của pháp luật; các hoạt động kết nối kỹ thuật, điều phối, giám sát được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các quy định về khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia.

Khoản 9 Điều 23 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia tổ chức tiếp nhận, điều phối, kiểm soát việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; bảo đảm thông tin, dữ liệu được chia sẻ đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Khoản 3 Điều 25 quy định Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia là đơn vị vận hành, quản lý, nâng cấp Nền tảng quốc gia và thu thập, tổng hợp, phân tích, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về sản phẩm, hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

3.9. Về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định không quy định về thủ tục hành chính đối với hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Việc thực hiện thông qua các quy định và hướng dẫn kỹ thuật trong thực tế triển khai.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực

Ngân sách nhà nước: Bố trí trong dự toán chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách; ưu tiên cho xây dựng, vận hành hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, chuẩn hóa dữ liệu, đào tạo và tuyên truyền.

Nguồn lực xã hội hoá: Huy động từ doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức cung cấp dịch vụ; nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp; hợp tác công - tư (nếu có) theo quy định.

Nguồn huy động hợp pháp khác: Vốn, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân; nguồn lực của doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia hợp tác; nguồn viện trợ, tài trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi (nếu có) theo quy định pháp luật.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

Tổ chức thực hiện: Phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; xây dựng kế hoạch triển khai theo lộ trình; thiết lập cơ chế điều phối liên ngành.

Hướng dẫn thi hành: Ban hành theo thẩm quyền quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình nghiệp vụ; xây dựng biểu mẫu, tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp.

Hạ tầng kỹ thuật: Bảo đảm hệ thống quốc gia có khả năng kết nối mở, an toàn, sẵn sàng cao; hỗ trợ tích hợp với hệ thống của bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

Nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thanh tra, kiểm tra; nâng cao năng lực triển khai cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Truyền thông nâng cao nhận thức: Phổ biến quy định, hướng dẫn người tiêu dùng tra cứu, phản ánh; tăng cường tương tác, tiếp nhận phản hồi.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị định quy định hoạt động sản phẩm, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định;
- (2) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị định;
- (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;
- (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
- (5) Bản sao ý kiến tham gia của các bộ, ngành và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- (6) Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy

định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;

(7) Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa với quy định pháp luật hiện hành ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, C12(TTSTKTDL).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang